TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/KDTM-ST
Ngày 16/4/2020
Về việc kiện "Tranh chấp HĐ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Vân Ngọc
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền; Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/4/2020 tại trụ sở TAND huyện Phú Xuyên đã xét xử công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXX-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng K (Ngân hàng K)

Địa chỉ: Số 191 đường B, phường L, quận H, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N - Giám đốc Xử lý nợ

Người được bà N ủy quyền (một trong các ông): Ông Nguyễn Hữu Tiến A, ông Lê Việt Ph, ông Đỗ Gia L

Bị đơn: Công ty C

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện P, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí C – Giám đốc

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện P, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1981
- Chị Trần Thị N, sinh năm 1983
- Bà Lê Thị K1, sinh năm 1935
- Cháu Phạm Thị Quỳnh Nh, sinh năm 2004
- Cháu Phạm Văn D, sinh năm 2006
- Cháu Phạm Quỳnh Tr, sinh năm 2012

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nh, cháu D, cháu Tr là anh Đ, chị N.

Đều trú tại: Thôn L, xã A, huyện H, TP Hà Nội.

Ông Tiến A có mặt; anh C, anh Đ, chị N, bà K1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn đề khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại toà, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Tiến A trình bày:

Ngân hàng K (viết tắt là Ngân hàng K) cùng với Đại diện theo pháp luật của Công ty C (gọi tắt là công ty C) là ông Nguyễn Trí C đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 050911/HĐHMTD/TCB-NPS ngày 05/9/2011 và khế ước nhận nợ ngày 05/10/2011 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 921.000.000 đồng (Chín trăm hai mươi mốt triệu đồng)
- Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền nguyên liệu cho DNTN
- Thời hạn vay: 06 tháng
- Thời hạn trả nợ: 05/4/2012
- Lãi suất vay: Lãi suất vay cố định là 21,05%/năm.

Bảo đảm cho khoản vay nêu trên, Công ty C đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của người thứ ba là thửa đất số 165, tờ bản đồ số 7, diện tích 98 m^2 tại thôn L, xã A, huyện H, TP Hà Nội, đứng tên anh Phạm Văn Đ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã không thực hiện đúng các cam kết của mình, cụ thể, tính đến ngày 16/4/2020, thì Công ty C mới thanh toán được 574.365.060 đồng nợ gốc và 138.036.269 đồng nợ lãi và hiện vẫn còn nợ các khoản tiền sau:

- Nợ gốc: 346.634.940 đồng
- Nợ quá hạn: 862.830.718 đồng

Tổng nợ: 1.209.465.658 đồng

Chưa kể khoản lãi phạt theo hợp đồng tín dụng là 73.680.000 đồng

Ngân hàng K yêu cầu Công ty C phải trả toàn bộ số nợ nêu trên, cùng với số tiền lãi tiếp tục phát sinh từ sau ngày 16/4/2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ. Rút yêu cầu đối với khoản lãi phạt, đối với công ty C.

Trường hợp Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm mà anh Đ, chị N đã thế chấp cho khoản vay trên, trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng K.

Phía bị đơn Công ty C, người đại diện theo pháp luật, ông Nguyễn Trí C không đến Tòa làm việc

Phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị N đồng thời là người đại diện theo pháp luật của các cháu Phạm Thị Quỳnh Nh, Phạm Văn D, Phạm Quỳnh Tr trình bày: Anh Đ, chị N có người bạn thân là anh Nguyễn Duy K2 ở cùng xã A, anh K2 lại là bạn thân của ông C. Hai người này có liên hệ với anh chị và nhờ dùng giấy chứng nhận QSD đất ở của vợ chồng anh chị, đứng tên Phạm Văn Đ để thế chấp vay 921.000.000 của Ngân hàng cho công ty của ông C. Do cũng cần tiền dùng cho việc gia đình, anh chị đã đồng ý cho ông C, anh K2 thế chấp tài sản là QSD thửa đất 98 m^2 ở thôn L, xã A, huyện H, TP Hà Nội để ông C vay tiền ngân hàng. Sau đó, anh K2, ông C có đưa lại cho anh chị 460.000.000 đồng, số tiền còn lại thì họ cầm. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh chị đều đưa tiền cho ông C, để ông C trả nợ cho Ngân hàng. Ngược lại ông C không có thiện chí trả nợ, đến khi hợp đồng đáo hạn, ngân hàng nhiều lần gửi giấy

báo yêu cầu trả nợ, ông C, anh K2 không trả lời điện thoại, đến nhà thì cũng gặp, buộc anh chị phải vay mượn được 560.000.000 đồng để trả đỡ nợ cho Ngân hàng.

Nay anh chị đề nghị phía Ngân hàng xem xét, cho anh chị được trả thay Công ty C phần nợ gốc là 346.634.940 đồng và xin phần nợ lãi để giải chấp tài sản thế chấp. Trường hợp phía Ngân hàng không đồng ý và cho kê biên phát mại nhà đất, thì anh chị buộc phải chấp nhận và không có ý kiến gì.

Tại phiên Tòa:

Đại diện nguyên đơn, ông Nguyễn Hữu Tiến A đề nghị được giữ nguyên quan điểm về việc kiện, phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa. Về quan hệ giữa vay nợ giữa anh Đ, chị N với anh C, anh K2, phía Ngân hàng cho rằng đây là việc cá nhân của họ, nên đề nghị Tòa không xét trong vụ án này.

Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng.Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: *Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn, buộc công ty C phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn với tổng số tiền là 1.209.465.658 đồng, chưa kể tiền lãi phát sinh sau ngày 16/4/2020 cho đến khi trả hết nợ. Chấp nhận yêu cầu kê biên phát mại tài sản của phía Ngân hàng đối với tài sản thế chấp của là thửa đất* số *165, tờ bản đồ số 7, diện tích 98 m^2 tại thôn L, xã A, huyện H, TP Hà Nội, đứng tên anh Phạm Văn Đ để đảm bảo thi hành án. Chấp nhận rút yêu cầu lãi phạt của phía nguyên đơn. Công ty C phải chịu án phí DSST theo qui định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, ông C, anh Đ, chị N đều vắng mặt. Vì vậy, theo qui định tại điều 227, 228 Bộ luật TTDS, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Về Nội dung:

- *Về quan hệ pháp luật*: Đây là việc kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, giữa 01 bên là Doanh nghiệp cổ phần thương mại kinh doanh trong lĩnh vực Ngân hàng tiền tệ, cụ thể là Ngân hàng K (viết tắt là Ngân hàng K) và một bên là doanh nghiệp tư nhân, Công ty C do ông Nguyễn Trí C là người đại diện theo pháp luật (Giấy phép kinh doanh số 0104037156 lần đầu ngày 29/6/2009, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 03/12/2009, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp).

- *Về thời hiệu khởi kiện*: Theo qui định của điều 159 BLTTDS, thì đây là tranh chấp kiện đòi tài sản đang bị người khác chiếm hữu, nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do vậy, đơn khởi kiện của phía nguyên đơn được chấp nhận.

- *Về nội dung khởi kiện*: Xét yêu cầu của phía nguyên đơn, buộc phía bị đơn là công ty C, do ông Nguyễn Trí C lại đại diện theo pháp luật phải trả số nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/4/2020 là 1.209.465.658 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ để Tòa chấp nhận. Bởi lẽ:

- *Về hợp đồng*: Ngân hàng K (viết tắt là Ngân hàng K) cùng với Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TM&DV C là ông Nguyễn Trí C đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 050911/HĐHMTD/TCB-NPS ngày 05/9/2011 và khế ước nhận nợ ngày 05/10/2011 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 921.000.000 đồng
- Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền nguyên liệu cho DNTN
- Thời hạn vay: 06 tháng
- Phương thức trả nợ gốc: Trả 01 lần vào ngày: 05/4/2012.
- Lãi suất vay: Lãi suất cố định 21,05%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã không thực hiện đúng các cam kết của mình. Theo đó, đến ngày 09/7/2012, Công ty C đã trả được 574.365.060 đồng nợ gốc và 138.036.269 đồng tiền lãi. Kể từ thời điểm ngày 09/7/2012 trở lại đây, công ty C không trả thêm bất cứ một khoản nào khác cho phía nguyên đơn nữa. Và theo khoản 8.2.2 điều 8 của hợp đồng tín dụng giữa các bên, thời điểm bắt đầu tính lãi quá hạn là kể từ sau ngày 05/4/2012, tức ngày 06/4/2012, số tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, đương nhiên bị chuyển sang lãi quá hạn = 150% so với lãi trong hạn, tức là Công ty C phải chịu thêm 10,525% lãi suất nữa, tổng lãi suất quá hạn sẽ là 31,575%/năm.

Và tính đến ngày 16/4/2020, Công ty C còn nợ Ngân hàng K số tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 346.634.940 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 862.830.718 đồng

Tổng nợ: 1.209.465.658 đồng.

Chưa kể số lãi phạt theo thỏa thuận tính theo hợp đồng là 73.680.000 đồng.

Xét số tiền nợ gốc và nợ lãi (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn) mà phía nguyên đơn xuất trình là có căn cứ, phù hợp với các qui định của pháp luật. Tòa chấp nhận và buộc phía C phải thanh toán trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/4/2020 là 1.209.465.658 đồng nêu trên. Đương nhiên, Tòa cũng chấp nhận việc nguyên đơn rút yêu cầu buộc phía C phải trả số tiền lãi phạt theo hợp đồng 73.680.000 đồng cho C.

Về đề nghị của người có nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn Đ và chị Trần Thị N, xin được đứng ra trả nợ thay C nốt số nợ gốc 346.634.940 đồng và xin miễn toàn bộ số lãi 862.830.718 đồng.Tòa nhận thấy, về mặt pháp luật, theo hợp đồng, người có nghĩa vụ phải trả nợ là Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ C mới là người phải trả nợ chứ không phải là anh Đ, chị N, nên việc anh Đ, chị N đứng ra xin trả nợ thay cho C, phải nhận được sự đồng thuận cả từ phía Ngân hàng cũng như phía C, nhất là từ phía Ngân hàng, nhưng phía Ngân hàng từ chối đề nghị này với lý do phần nợ lãi còn lại là quá lớn (trên 800.000.000 đồng), do đó, Tòa không chấp nhận đề nghị này của anh Đ, chị N mà vẫn buộc công ty C phải trả nợ.

Về lời khai tại hồ sơ của vợ chồng anh Đ và chị N, là người thứ 3 đứng ra thế chấp tài sản (nhà đất) cho công ty C. Anh Đ, chị N khai chơi thân với người tên K2 và người này là bạn thân của ông C, phần cũng cần tiền giải quyết việc gia đình, phần tin lời họ, nên anh chị đã thế chấp nhà đất cho phía Ngân hàng để công ty C vay 921.000.000 đồng, sau đó, anh chị được ông C, anh K2 đưa lại cho

460.000.000 đồng, còn lại 461.000.000 đồng, ông C, anh K2 cầm hết số tiền còn lại. Sau khi công ty C không trả nợ cho Ngân hàng nữa, nhiều lần anh chị liên hệ với hai người này để giục họ trả nợ nhưng không có kết quả, lo sợ bị mất nhà đất thế chấp, chị đã vay mượn 560.000.000 đồng để trả đỡ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên, tại hồ sơ cho thấy, toàn bộ các hợp đồng ký kết giao dịch vay vốn chỉ là quan hệ tay ba giữa Ngân hàng với C (ký kết hợp đồng tín dụng, ký giấy nhận nợ) và anh Đ, chị N (hợp đồng thế chấp), trong khi đó anh C cố tình không đến tòa làm việc, còn người tên K2, anh Đ cũng cho biết không có mặt ở địa phương và không thể liên lạc được, nên chưa có căn cứ để xem xét quan hệ nhờ vả tiền nong giữa vợ chồng anh Đ, chị N, với anh K2, ông C. Mặt khác, nếu có thì đây lại là một quan hệ pháp luật khác, do đó nếu anh Đ, chị N có yêu cầu, thì phải khởi kiện những người này trong một vụ kiện dân sự khác theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự mà không giải quyết cùng trong vụ án này được.

Về Hợp đồng thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba có số công chứng 1766.2011/HĐTC-TCB được lập ngày 30/9/2011 của Văn phòng công chứng A1, thành phố Hà Nội thì cả phía Ngân hàng, Công ty C và vợ chồng anh Đ, chị N cùng thỏa thuận, anh Đ, chị N thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, của thửa đất số 165, tờ bản đồ số 7, diện tích 98 m^2 tại thôn L, xã A, huyện H, TP Hà Nội, đứng tên chủ sử dụng là anh Phạm Văn Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 814102, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 1597 do UBND huyện H cấp ngày 05/5/2009. Trong trường hợp, nếu Công ty C vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền đề nghị kê biên phát mãi toàn bộ số tài sản trên để thu hồi nợ (điều 5 của Hợp đồng thế chấp).

Xác minh tại địa phương Tòa án nhận thấy: Thửa đất thế chấp đứng tên chủ sử dụng là anh Phạm Văn Đ, có nguồn gốc là của bố mẹ anh Đ tặng cho, hiện trạng, trên đất anh chị đã xây dựng nhà ở cấp bốn 03 gian, kiểu kiến trúc nhà truyền thống, tường gạch, lợp ngói, theo lối nhà ngang, diện tích nhà khoảng 60 m^2, nhà được xây dựng từ năm 2006, ngoài nhà ở còn các công trình kiến trúc khác như công trình phụ, sân, cổng, tường bao vv...

Hiện tại, trên đất và nhà ở có vợ chồng anh Đ, mẹ anh Đ là bà Lê Thị K1, các con của anh Đ, chị N gồm: Phạm Thị Quỳnh Như, Phạm Văn Dương, và Phạm Quỳnh Trang đang tá túc. Kể từ thời điểm anh Phạm Văn Đ, chị Trần Thị N cùng Ngân hàng thực hiện giao dịch vay vốn và thế chấp tài sản từ năm 2011 đến nay, toàn bộ khối tài sản này vẫn do vợ chồng anh Đ sở hữu, sử dụng khối tài sản này.

Ngoài hoạt động thế chấp tài sản trên cho Ngân hàng K, không thấy có dấu hiệu của bất cứ 01 giao dịch nào khác như cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ, hoặc mua, bán, chuyển nhượng nào khác từ các đương sự. Tại thời điểm tòa án thụ lý, giải quyết xét xử vụ án, anh Đ, chị N cũng xác nhận, nếu Tòa án xử cho phép kê biên phát mại để thi hành án, anh chị cũng đồng ý và không có ý kiến gì. Xét yêu cầu của phía nguyên đơn đề nghị cho kê biên để phát mại thi hành án nhằm thu hồi tài sản cho phía Ngân hàng là có căn cứ. Tòa chấp nhận.

Về án phí: Phía Công ty C phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST là 48.283.970 đồng tiền án phí DSST. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng K số tiền 21.930.000 đồng tại phiếu thu 0005651 ngày 07/01/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên.

Bởi những nhận định trên

TOÀ QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 303, 304, 318, 319, 320, 321, 322, 327, 463, 465, 466, 468, 470 BLDS; Điều 159, điều 227, điều 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K.

Buộc anh Công ty C phải thanh toán trả Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, toàn bộ các khoản nợ tạm tính đến ngày 16/4/2020 là: ***1.209.465.658*** đồng (*Một tỉ, hai trăm linh chín triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn, sáu trăm năm mươi tám đồng*).

Trong đó, nợ gốc trong hạn là 346.634.940 đồng (*Ba trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi tư ngàn, chín trăm bốn mươi đồng*) và nợ lãi quá hạn là 862.830.718 đồng (*Tám trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm ba mươi ngàn, bảy trăm mười tám đồng*).

Ngoài ra Công ty C còn phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam số tiền lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày 16/4/2020 cho đến khi thực hiện xong việc trả nợ.

- Trường hợp Công ty C không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 7, diện tích 98 m^2 tại thôn L, xã A, huyện H, TP Hà Nội, đứng tên chủ sử dụng là anh Phạm Văn Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 814102, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 1597 do UBND huyện H cấp ngày 05/5/2009.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, ngoài số tiền phải thi hành nêu trên, người phải thi hành án còn phải trả lãi, theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Phía Công ty C phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST là **48.283.970** đồng (*Bốn mươi tám triệu, hai trăm tám ba ngàn, chín trăm bảy mươi đồng*). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng K số tiền 21.930.000 đồng (*Hai mươi mốt triệu, chín trăm ba mươi ngàn đồng*) tại phiếu thu 0005651 ngày 07/01/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TATP Hà Nội
- VKSND huyện
- Sở Tư pháp

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Chi cục THADS
- Các ĐS
- Lưu HS

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quang